

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TRUYỀN THÔNG BEE GROUP VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TRUYỀN THÔNG BEE GROUP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BEE GROUP VIET NAM INVESTMENT AND MEDIA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BEEGROUP IME .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109372398

**3. Ngày thành lập:** 13/10/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2 Ngõ 85 Xuân Thủy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	In ấn	1811
2.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
3.	Sao chép bản ghi các loại	1820
4.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
5.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
6.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
7.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
8.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
9.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
10.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
11.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
12.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
13.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
14.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
15.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
16.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
17.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
18.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512

19.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)	4513
20.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
21.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)	4530
22.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá)	4541
23.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
24.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
25.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa	4610
26.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
27.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
28.	Bán buôn thực phẩm	4632
29.	Bán buôn đồ uống	4633
30.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
31.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
32.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn thuốc và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
33.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
34.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
35.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

36.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
37.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
38.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
39.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
40.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
41.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
42.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
43.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
44.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
45.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

46.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
47.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
48.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
49.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
50.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
51.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
52.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
53.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
54.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
55.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
56.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
57.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
58.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
59.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
60.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
61.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
62.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)	4774
63.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
64.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
65.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
66.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
67.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
68.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ vàng, tem, tiền kim khí, hoạt động của đấu giá viên)	4789
69.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791

70.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đầu giá)	4799
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
72.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Xuất bản các phần mềm làm sẵn (không định dạng) như: Hệ thống điều hành; kinh doanh và các ứng dụng khác; chương trình trò chơi máy vi tính; Xuất bản và phát hành các trò chơi điện tử trực tuyến; Sản xuất phần mềm	5820
73.	Hoạt động hậu kỳ	5912
74.	Lập trình máy vi tính	6201
75.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
76.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
77.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
78.	Công thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
79.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
80.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc	7110
81.	Quảng cáo	7310
82.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
83.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
84.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
85.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
86.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
87.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
88.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
89.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230(Chính)
90.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
91.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
92.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
93.	Hoạt động thể thao khác	9319
94.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
95.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động của các sàn nhảy, Hoạt động của các phòng hát karaoke)	9329

96.	Sản xuất khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất biển quảng cáo	3290
-----	---	------

**6. Vốn điều lệ:** 2.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 250.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ VĂN TÙNG	Số 23 ngõ D K73, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	20,000	0420880000 98	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	20,000		
			2	NGUYỄN NGỌC MINH	Số 124, ngách 172, Đường Âu Cơ, Phường Tứ Liên, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông		
Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0				0,000		
Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0				0,000		
Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0				0,000		
Các cổ phần ưu đãi khác	0	0				0,000		
Tổng số	50.000	500.000.000				20,000		

3	DƯƠNG THẾ BĂNG	Chương Xá, Thị Trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	20,000	125331213
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	50.000	500.000.000	20,000	
			4	NGUYỄN VĂN HƯỚNG	Mỹ Ngọc, Xã Ngọc Liên, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	
Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0				0,000	
Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0				0,000	
Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0				0,000	
Các cổ phần ưu đãi khác	0	0				0,000	
Tổng số	50.000	500.000.000				20,000	
5	LÊ VĂN BÁ	Số 57 Nguyễn Tư Giản, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam				Cổ phần phổ thông	50.000
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	50.000	500.000.000	20,000	

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **LÊ VĂN TÙNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *05/08/1988*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *042088000098*

Ngày cấp: *28/07/2016*

Nơi cấp: *Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 23 ngõ D K73, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 23 ngõ D K73, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội